

Khác biệt giới trong hành vi chấp nhận rủi ro của thanh thiếu niên: một nghiên cứu liên thế hệ¹

Joan Abbott-Chapman, Carey Denholm, Colin Wylid

Đại học Tasmania (Australia)

Lời tòa soạn: Nghiên cứu của nhóm tác giả thuộc đại học Tasmania về các yếu tố tác động đến việc chấp nhận rủi ro trong thanh thiếu niên được thực hiện ở Tasmania, Australia từ 1999 đến 2003. Trên cơ sở khảo sát số lượng lớn học sinh lớp 11 và 12 và các phụ huynh học sinh, nghiên cứu này cho thấy khác biệt giới trong nhận thức về rủi ro và hành vi chấp nhận rủi ro đã thu hẹp một cách đáng kể trong một vài thập kỷ gần đây. Các tác giả cho rằng việc uống rượu và tụ tập nhậu nhẹt say xỉn chính là điểm phân biệt hành vi của thanh thiếu nữ ngày nay với thế hệ các bà mẹ. Với việc sử dụng khái niệm xã hội học và tâm lý học, nghiên cứu này cho thấy nhiều điểm thú vị cả về phương pháp và nội dung nghiên cứu. Tòa soạn xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Từ khóa: Chấp nhận rủi ro; Khác biệt giới; Thanh thiếu niên; Học sinh; Phụ huynh học sinh.

Nghiên cứu về mô hình chấp nhận rủi ro liên thế hệ được thực hiện dựa trên nền tảng lý thuyết và khái niệm của xã hội học và tâm lý học về chấp nhận rủi ro. Mặc dù chấp nhận rủi ro được coi là một phần bình thường trong tiến trình trưởng thành và là động lực thúc đẩy thanh thiếu niên tự chủ hơn trong cuộc sống, nó cũng là một hiện tượng văn hóa xã hội được điều chỉnh bởi môi trường và hoàn cảnh xã hội. Yếu tố này thay đổi theo thời gian khi xã hội thay đổi. Cùng với những kỳ vọng của các thế hệ đi

trước về hành vi của con em họ, mức độ và loại hình chấp nhận rủi ro được cho là sẽ là khác biệt giữa thế hệ cha mẹ và thế hệ con em họ. Nghiên cứu khảo sát giả thuyết cho là cha mẹ khi còn trẻ ít mạo hiểm hơn con cái họ ngày nay, do những rào cản xã hội và quyền lực gia đình trong quá khứ được cho là lớn hơn, như một khía cạnh quan trọng của bối cảnh xã hội và lịch sử.

Phương pháp chọn mẫu, phương pháp nghiên cứu và đặc điểm mẫu

Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu, một dự án nghiên cứu lớn đã được triển khai trong những năm từ 1999 đến 2003 tại Tasmania, Australia. Dự án được thiết kế nhằm tìm hiểu các loại hình hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro thường gặp, nhận thức của thanh thiếu niên cũng như cha mẹ chúng về các hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro và tác động của một số yếu tố xã hội đến nhận thức của thanh thiếu niên về vấn đề này. Dự án sử dụng 2 chỉ số chính: chỉ số RAPRA (Risk Activity by Personal Risk Assessment) và chỉ số PRISC (Personal Risk Score Category) do Abbott-Chapman và Denholm phát triển năm 2001. Xuyên suốt và được xem như một phần chính của dự án là các phân tích về khác biệt giới. Về địa bàn nghiên cứu, Tasmania là một tiểu bang rộng lớn với dân số chưa đến 500.000 người. So với các tiểu bang khác, Tasmania được xem là có ít các vấn đề kinh tế - xã hội và là bang bảo thủ nhất Australia. Chính vì thế, có thể coi Tasmania là một địa điểm lý tưởng cho việc khảo sát thái độ, hành vi của các học sinh “căn bản” chứ không phải là học sinh “cá biệt” và tác động của các giá trị do gia đình, nhà trường và cộng đồng đặt ra.

Nghiên cứu là sự kết hợp nhuần nhuyễn hai phương pháp định lượng và định tính. Trong giai đoạn đầu, một loạt các cuộc thảo luận nhóm 8 người cùng giới tính đã được thực hiện với mẫu là các học sinh lớp 11 và 12 được chọn có chủ đích tại 4 trường thuộc vùng nông thôn và ngoại ô Hobart (thủ phủ bang Tasmania). Các thảo luận nhóm này nhằm tìm hiểu học sinh những năm cuối cấp nghĩ gì về sự liều lĩnh, hoạt động nào mà họ cho là có rủi ro và cách họ phản hồi các quan điểm của người lớn về sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro của thế hệ trẻ. 26 hoạt động được những người tham gia thảo luận nhóm cho là có rủi ro hoặc có khả năng gây hại được sử dụng cho các khảo sát bằng bảng hỏi khuyết danh trên quy mô lớn. 1.200 bảng hỏi được phát cho tất cả học sinh lớp 11 và 12 của các trường đã được lựa chọn. Có 954 bảng hỏi (80% tổng số) đã được điền và gửi trả lại, trong đó 50% người trả lời là các nam sinh và 50% là các nữ sinh; 78% tuổi từ 15 đến 17 và 22% từ 18 tuổi trở lên; 45% học trường công và 55% học trường tư. Với mức độ hiểu biết kinh tế - xã hội khác nhau và khu vực sinh sống

nông thôn/thành thị, mẫu khảo sát đại diện cho một bộ phận tiêu biểu của giới trẻ Tasmania.

Giai đoạn tiếp theo của dự án là xác định các công cụ nghiên cứu, trong đó sử dụng khối lượng mẫu là các học sinh lớp 10 tuổi từ 15 đến 16 (có 5 học sinh ở độ tuổi 14) thuộc các trường công. Tỷ lệ trả lời đạt 98% và gần như được chia đều cho cả hai giới. Một năm sau đó, 2.200 bảng hỏi (có sử dụng nhiều câu hỏi tương tự như câu hỏi với học sinh) được gửi tới cho cha mẹ và người giám hộ của tất cả học sinh lớp 11 và 12 thuộc các trường trong khảo sát ban đầu, trong đó 10% là các gia đình cha/mẹ đơn thân. 1.139 bảng hỏi (52% tổng số) đã được điền và gửi trả lại, tuy nhiên, do khuyết danh nên không thể nối kết bảng hỏi của học sinh với bảng hỏi của phụ huynh. Hầu hết mỗi gia đình đều điền và gửi trả duy nhất một bảng hỏi. Người trả lời đa phần là người mẹ (chiếm 65% tổng số người trả lời). Đây cũng là điều khá phổ biến trong giao tiếp bằng văn bản giữa gia đình và nhà trường. Tuy vậy, sự thiên lệch giới tính này không ảnh hưởng nhiều đến kết quả nghiên cứu do các phân tích trên góc độ giới được thực hiện đối với toàn bộ số lượng mẫu. Trong giai đoạn cuối cùng, dự án tiến hành khảo sát thái độ của 220 chuyên gia giáo dục đối với việc quản lý và chấp nhận rủi ro trong thanh thiếu niên.

Trong bảng hỏi, người trả lời được yêu cầu đánh giá tính rủi ro của 26 hoạt động cho sẵn với thang điểm 7 và sau đó cho biết mức độ thường xuyên tham gia vào các hoạt động đó, với 4 mức độ: không bao giờ, một lần, thỉnh thoảng, thường xuyên. Đối với các bậc phụ huynh, họ được yêu cầu trả lời mức độ thường xuyên tham gia vào các hoạt động đó khi còn ở tuổi thanh thiếu niên. Các công cụ được thiết kế nhằm khắc phục những vấn đề cơ bản trong nghiên cứu về rủi ro và trong chính bản thân khái niệm chấp nhận rủi ro. Đó là khác biệt trong nhận thức về giá trị vốn có của hành độ hoặc hành vi giữa người chấp nhận rủi ro và người đánh giá rủi ro (Shoenbach, Wagner, & Beery, 1987).

Khác với nhiều nghiên cứu trước đây, danh mục các hoạt động chứa đựng yếu tố rủi ro trong nghiên cứu này được rút ra từ nghiên cứu định tính chứ không phải nghiên cứu định lượng. Các hành vi làm mờ đi khoảng cách về giới và tuổi tác như hành vi bạo lực, hành vi trái quy tắc xã hội và các môn thể thao mạo hiểm không được tính đến trong nghiên cứu này.

Hạn chế của nghiên cứu

Theo nhóm nghiên cứu, mặc dù các đối tượng khảo sát trả lời khá thẳng thắn và cởi mở do bảng hỏi không yêu cầu tiết lộ danh tính, nhưng dễ dàng nhận thấy có một số điểm chưa rõ ràng trong việc tự mô tả mức độ và loại

hình rủi ro, nhất là đối với các loại hình không được pháp luật cho phép (sử dụng các chất gây nghiện bị cấm lưu hành hoặc uống rượu và hút thuốc lá khi chưa đến 18 tuổi). Nghiên cứu sử dụng dữ liệu hiện tại (cross-sectional data) chứ không phải là dữ liệu nghiên cứu lặp lại (longitudinal data) trong các phân tích so sánh, tức là trong khi học sinh trình bày hành vi và thái độ của chúng trong thời điểm hiện tại thì phụ huynh lại hồi tưởng về hành vi và thái độ của họ khi còn ở lứa tuổi con mình. Do khoảng cách giữa thời điểm các bậc phụ huynh trải nghiệm và thời điểm con họ trải nghiệm là khá lớn nên việc nghiên cứu theo chiều thời gian là không khả thi. Các kết quả thu được do đó cần được nghiên cứu sâu hơn.

Các kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều hành vi rủi ro, ví dụ như sử dụng các chất có cồn, hút thuốc lá khi chưa đến tuổi thành niên, sử dụng một lượng nhỏ cần sa, v.v. được coi là chuyện bình thường và khá phổ biến. Trong khi đó, các hành vi như sử dụng các chất gây nghiện hạng nặng (heroin và cocain) lại rất hiếm gặp, chỉ chiếm 2% tổng số. Khoảng 30% số người trả lời được xếp vào loại có hành vi rủi ro cao hoặc rất cao. Mức độ chấp nhận rủi ro của học sinh lớp 11, 12 và của phụ huynh học sinh khi còn ở tuổi thanh thiếu niên là rất giống nhau, tuy có hơn kém một chút ở một vài hoạt động. Mặc dù thế hệ trước vẫn được coi là bảo thủ hơn thế hệ trẻ, kết quả nghiên cứu lại cho thấy mức độ chấp nhận rủi ro trong các bậc phụ huynh không thấp hơn thế hệ con họ là mấy. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy những khác biệt đáng kể về giới trong thế hệ trước so với thế hệ này, đặc biệt đối với hành vi uống rượu, lái xe khi say rượu hoặc lái xe ẩu. Trong số các phụ huynh thuộc mẫu khảo sát, các bậc làm mẹ thường ít có những hoạt động này hơn nhiều so với các bậc làm cha và cũng ít hơn nhiều so với thế hệ con gái họ. Ngược lại, khác biệt giới là không đáng kể đối với các học sinh lớp 11 và 12 trong toàn bộ 26 hoạt động được khảo sát. Câu trả lời của học sinh và phụ huynh học sinh cũng trùng khớp với kết quả thống kê cho thấy những thay đổi mang tính thời đại và tính quy phạm có tác động đặc biệt đến các thanh thiếu nữ.

Các hoạt động thường thấy của các ông bố khi ở tuổi thanh thiếu niên là hút thuốc lá, uống rượu khi chưa đến tuổi thành niên, uống rượu đến khi say mềm, lái xe tốc độ cao và xem băng đĩa khiêu dâm. Một nghiên cứu sâu dựa trên kết quả khảo sát khẳng định sự khác biệt giữa nam sinh và nữ sinh gia tăng theo độ tuổi của cha mẹ. So với các hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro khác, hoạt động tình dục trong thế hệ cha mẹ khi còn là thanh thiếu niên ít có sự khác biệt theo giới. Câu trả lời của các bậc cha mẹ cho thấy vào thời điểm đó, họ không phải lo sợ về HIV/AIDS. Điều mà họ cảm

thấy lo lắng hơn cả là việc có thai hoặc bị cha mẹ phản đối. Nhiều phụ nữ trẻ khi đó đã sử dụng thuốc tránh thai. Họ cho biết không có lý do gì để yêu cầu đối tác nam sử dụng bao cao su và hiếm khi phải lo lắng về các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

Bình luận của học sinh lớp 11 và 12 trong các thảo luận nhóm khẳng định kết quả khảo sát cho rằng việc sử dụng các chất có cồn hoặc các chất gây nghiện và lái xe khi đã sử dụng các chất này đã gia tăng, thậm chí trở thành thói quen. Điều này đặt các nữ sinh ngày nay vào những tình huống rủi ro cao, đặc biệt là rủi ro về tình dục. Rượu được xem là một chất kích thích cho những việc làm liều lĩnh, nhất là đối với nữ. Cả nam và nữ sinh đều thừa nhận khi nữ uống rượu, “họ không còn biết họ làm gì nữa”. Một số nam thanh thiếu niên có xu hướng kích động nữ đồng trang lứa vào những hoạt động có tính rủi ro và tán thưởng rằng đó là một việc làm táo bạo, đặc biệt là khi có tác động của các chất gây nghiện hoặc các chất có cồn. Các thiếu nữ thú nhận rằng chỉ cần một chút xíu các chất có cồn (rượu hoặc bia), các cô sẽ say và “thường không biết đâu là giới hạn”. Kết quả khảo sát cho thấy có sự gia tăng các bữa chè chén say bí tỉ gồm cả trai và gái trong thanh thiếu niên hiện nay, trong khi vào thời điểm của cha mẹ họ, thường chỉ có đám con trai tụ tập, uống rượu say, cư xử lỗ mãng và ngu ngốc - một điều được chấp thuận trong văn hóa Australia.

Nghiên cứu cho rằng toàn cầu hóa và cá nhân hóa ngoài việc làm thay đổi các vai trò giới, tăng khả năng cạnh tranh của nữ thanh niên trong giáo dục và việc làm, tăng khả năng tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội, v.v. còn góp phần làm gia tăng nhu cầu muốn hưởng thụ một cách nhanh chóng và thường xuyên trong thanh thiếu niên và thu hẹp khoảng cách giới trong các hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro. Điều này càng trở nên rõ ràng khi các quy tắc gia đình và xã hội đã dần giảm bớt. Chẳng hạn, một nghiên cứu của Australia về thái độ của cha mẹ đối với việc thanh thiếu niên thường xuyên uống rượu cho thấy một số các bậc cha mẹ dường như “vào hùa” với việc này. Họ cho rằng họ có thể “bảo vệ” con mình khỏi việc say khướt bằng cách cho chúng uống một lượng nhỏ các chất có cồn, đích thân chở con tới các buổi tiệc hoặc mua cho chúng điện thoại di động (Graham, Ward, Munro, Snow, & Ellis, 2006). Các nỗ lực nhằm giúp thanh thiếu niên phát triển năng lực quản lý các hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro do đó có thể có những thông điệp mâu thuẫn nhau. Hoàn cảnh xã hội, thói quen của cha mẹ, áp lực từ phía bạn bè và sự sẵn có của các nguồn lực xã hội tác động đến việc sử dụng các chất gây nghiện, uống rượu và chè chén say sưa, lái xe ẩu dưới tác động của rượu bia, v.v. đều có thể dẫn đến những hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro. Uống rượu khi chưa

tới tuổi trưởng thành hoặc chè chén say khướt trong thanh thiếu nữ còn dẫn tới quan hệ tình dục không an toàn và miễn cưỡng. Một số các nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò của rượu bia trong văn hóa Australia, đặc biệt là trong giới trẻ (Collins & Lapsley, 2002; White, 2001). Năm 2001, hơn 25% trẻ em tuổi từ 14 đến 19 uống rượu hàng tuần, và cứ 1 trong 9 trẻ uống rượu gặp các trường hợp rủi ro (Australian Institute of Health and Welfare, 2002). Tình trạng lạm dụng rượu và các chất gây nghiện cũng là những đặc điểm phổ biến của xã hội Hoa Kỳ hiện đại (Levinthal, 2002).

Hiểu biết về bối cảnh văn hóa - xã hội giúp các nhà nghiên cứu có thể hiểu rõ hơn nhận thức và hành vi liên quan đến việc chấp nhận rủi ro mạo hiểm trong thanh thiếu niên. Nữ thanh thiếu niên ngày nay có không gian rộng hơn cho việc thực hiện các hành vi chứa đựng yếu tố rủi ro do các bậc cha mẹ đã bớt giám sát con cái. Có nhiều cô gái lái xe hơn các bà mẹ. Họ tự kiểm và dành tiền cho hoạt động này thông qua những công việc bán thời gian, thậm chí ngay từ khi còn học trường cấp 2. Nhờ đó, họ có được cảm giác độc lập, quyền tự quyết và phát huy được các năng lực xã hội. Tuy thế, họ cũng có thể bị rơi vào tình thế phải chấp nhận rủi ro cao hơn, chẳng hạn như lái xe khi say rượu hoặc lái xe một cách khinh suất – điều mà một số các cô gái coi là chấp nhận được trong tiến trình trở thành người lớn. Một số cô gái nhìn nhận việc chấp nhận rủi ro như một cách tích cực để có thể tiếp cận các nguồn lực xã hội và nâng cao kỹ năng sống nhưng cũng thừa nhận họ thường xuyên không thể phân biệt được đâu là rủi ro tốt - xấu. Khi sử dụng các chất có cồn và các chất gây nghiện, họ khó có thể biết đâu là giới hạn và dường như không ý thức được hiểm họa của việc sẽ bị nghiện. Do vậy, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt là mẹ và con gái, rõ ràng là rất quan trọng. Cha mẹ có thể làm gương cho con để con biết cách ứng phó với những tình huống chứa đựng yếu tố rủi ro. Tất nhiên, không loại trừ một số trường hợp lạm dụng quá mức việc làm gương.

Tóm lại, nghiên cứu của Joan Abbott-Chapman, Carey Denholm và Colin Wyld cho thấy đằng sau việc khuyến khích ý thức tự chủ trong thanh thiếu niên, coi đó như quyền lựa chọn cách sống, là những hậu quả ngoài mong đợi, trừ phi nó được đi kèm với những hướng dẫn có tính quy phạm rõ ràng và dễ hiểu. Việc trợ giúp thanh thiếu niên, cả nam và nữ, nhằm giúp họ có những lựa chọn hợp lý và có trách nhiệm trong nghề nghiệp và trong cuộc sống, phát huy được hết tiềm năng của mình và phân biệt được đâu là các hành vi tốt – hành vi xấu chính là ưu tiên hàng đầu trong các chương trình giáo dục và y tế. ■

Đào Hồng Lê (giới thiệu)

Chú thích

¹ Bài đăng trên Tạp chí Youth & Society, Volume 40, Number 1, 2008, trang 131-154.